

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui và vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Giang Nam;

Bà Thái Dương Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Tú A; Cư trú tại: Số 26, ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Tú A: Ông Nguyễn Minh H; Cư trú tại: Số 20, ấp Cống Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T - theo giấy ủy quyền ngày 30 tháng 11 năm 2020 (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị O;

2. Ông Kiều Văn D;

Cùng cư trú tại: Ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.
(các bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn bà Đỗ Tú A và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Đỗ Tú A là hội viên có tham gia 04 dây hội do vợ chồng bà Nguyễn Thị O và ông Kiều Văn D làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ hai: Mở ngày 09/6/2018, hội 5.000.000 đồng;
- Dây hội thứ nhất: Mở ngày 04/02/2019, hội 5.000.000 đồng;
- Dây hội thứ ba: Mở ngày 25/3/2019, hội 5.000.000 đồng;
- Dây hội thứ tư: Mở ngày 16/6/2019, hội 5.000.000 đồng.

Trong 04 dây hội bà Tú A có hội sống và hội chết, sau khi đối chiếu với nhau thì vợ chồng bà O và ông D còn nợ bà Tú A tổng số tiền là 63.160.000 đồng. Ngoài ra bà O còn vay bà Tú A số tiền 4.000.000 đồng để bà O đóng dây hội khác. Như vậy tổng số tiền bà O và ông D còn nợ bà Tú A là 67.160.000 đồng.

Bà Đỗ Tú A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Kiều Văn D trả cho bà Đỗ Tú A số tiền nợ hội là 63.160.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng) và số tiền vay là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Tổng cộng tiền hội và tiền vay là 67.160.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị O và ông Kiều Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng các bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ các bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng các bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn có tham gia hội do vợ chồng các bị đơn làm chủ hội, sau khi đối chiếu các bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 63.160.000 đồng và vay tiền của nguyên đơn là 4.000.000 đồng để bị đơn đóng dây hội khác, bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn tổng cộng số tiền là

67.160.000 đồng, theo biên bản hòa giải ngày 14 tháng 01 năm 2021 của tổ hòa giải ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui và tiền vay là 67.160.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- Tòa án triệu tập hợp lệ các bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú tại ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hui và tiền vay. Trong quá trình tham gia chơi hui và vay tiền các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền nợ hui và tiền vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản (tiền).

[4] Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên bản hòa giải ngày 14 tháng 01 năm 2021 của tổ hòa giải ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, nội dung bị đơn bà O thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 67.160.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền hui và tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn là hui viên còn các bị đơn là chủ hui, trong quá trình tham gia 04 dây hui, bị đơn ngừng khai hui, nguyên đơn và các bị đơn đối chiếu với nhau các bị đơn còn nợ nguyên

đơn số tiền 63.160.000 đồng và bị đơn vay tiền của nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng để bị đơn đóng dây hui khác. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho các bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện các bị đơn còn thiếu tiền hui và tiền vay, các bị đơn đã nhận nhưng các bị đơn không có ý kiến gì về việc các bị đơn còn nợ tiền hui và tiền vay của nguyên đơn. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hui và tiền vay là có căn cứ.

[6] Đối với bị đơn ông Kiều Văn D tuy ông D không có trực tiếp vay tiền của nguyên đơn, nhưng việc bà O vay tiền là để đóng hui ông D có tham gia làm chủ hui. Xét thấy, theo quy định tại Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện...*”, bà O và ông D là vợ chồng, ông D biết nhưng ông D không phản đối và ông D cũng không có ý kiến gì về việc Tòa án thụ lý vụ án của bà Tú A khởi kiện vợ chồng ông D. Hơn nữa số tiền hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng phải có trách nhiệm. Do đó bà Tú A yêu cầu bà O và ông D có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hui và tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Các bị đơn liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.358.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 471; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Tú A. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị O và ông Kiều Văn D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Đỗ Tú A số tiền tổng cộng là: 67.160.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó tiền hui còn nợ là: 63.160.000 đồng và tiền vay là: 4.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.679.000 đồng (Một triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009025 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị đơn bà Nguyễn Thị O và ông Kiều Văn D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.358.000 đồng (Ba triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh